

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP CAO SU



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH/NGHỀ: CÔNG NGHỆ Ô TÔ
MÃ NGÀNH/NGHỀ: 5510216
TRÌNH ĐỘ : TRUNG CẤP

*Ban hành kèm theo quyết định số: 160/QĐ-CĐCS ngày 29 tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su*

Bình Phước, Năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành, nghề: Công nghệ ô tô

Mã ngành, nghề: 5510216

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên

Thời gian khóa học: 2 năm học

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Công nghệ ô tô trình độ trung cấp là ngành, nghề học tích hợp kiến thức của nhiều lĩnh vực khoa học kỹ thuật khác nhau như: cơ học, cơ khí, điện - điện tử, tự động hóa, tin học, an toàn..., đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Ngành, nghề Công nghệ ô tô chủ yếu tập trung giải quyết bốn vấn đề cơ bản: Thiết kế, chế tạo, khai thác sử dụng, bảo dưỡng và sửa chữa. Người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận nhiệm vụ như bảo dưỡng, sửa chữa; chế tạo, sản xuất; quản lý, kinh doanh; đào tạo trong lĩnh vực ô tô và xe - máy chuyên dùng.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trung cấp Công nghệ ô tô nhằm đào tạo kỹ thuật viên có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp ở trình độ trung cấp nghề trong ngành Ô tô.

Chương trình đào tạo trung cấp Công nghệ ô tô cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về trang thiết bị điện; cấu tạo, nguyên lý làm việc của các loại ô tô thông dụng. Trang bị các kỹ năng sửa chữa và bảo dưỡng các hệ thống hoạt động cơ bản của ô tô.

Chương trình đào tạo trung cấp Công nghệ ô tô giúp người học khả năng làm việc tại các nhà máy, xí nghiệp xưởng lắp ráp, sửa chữa ô tô. Người học sau khi tốt nghiệp có cơ hội học nâng cao nghiệp vụ theo đúng chuyên ngành đào tạo và theo học ở các bậc học Cao đẳng, Đại học.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1 Kiến thức:

- Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu cơ bản trong ô tô;
- Tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
- Giải thích được nội dung các công việc trong quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa một số bộ phận, hệ thống cơ bản trên ô tô;
- Trình bày được yêu cầu cơ bản và các bước công việc trong quy trình kiểm tra, bảo

đưỡng và sửa chữa một số bộ phận, hệ thống cơ bản trên ô tô;

- Trình bày được nguyên lý, phương pháp vận hành và phạm vi sử dụng các trang thiết bị cơ bản trong ngành, nghề Công nghệ ô tô;

- Trình bày được các nội dung, ý nghĩa của kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp;

- Phân tích được các kỹ năng, thao tác cơ bản trong lái xe ô tô;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2.2 Kỹ năng:

- Đọc được bản vẽ kỹ thuật đơn giản; tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;

- Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra cơ bản trong ngành, nghề Công nghệ ô tô; bảo quản thiết bị và dụng cụ liên quan đến ngành, nghề công nghệ ô tô;

- Kiểm tra những sai hỏng của các cụm chi tiết, hệ thống cơ bản trên ô tô;

- Lập được các quy trình tháo, lắp đơn giản của các bộ phận, hệ thống cơ bản trên ô tô;

- Lập được quy trình bảo dưỡng, sửa chữa đơn giản phù hợp với từng chi tiết, bộ phận, hệ thống và loại ô tô;

- Thực hiện các công việc bảo dưỡng, sửa chữa đúng quy trình, quy phạm và đảm bảo kỹ thuật;

- Tổ chức và quản lý quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tương ứng với trình độ được đào tạo;

- Vận hành được ô tô đúng luật, đúng yêu cầu kỹ thuật và đảm bảo an toàn;

- Đào tạo, bồi dưỡng được về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người học ở trình độ thấp hơn.

- Kỹ năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn của ngành, nghề đào tạo trong giao tiếp hiệu quả tại nơi làm việc; phản biện và sử dụng các giải pháp thay thế; đánh giá chất lượng các công việc đơn giản và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm;

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn;
- Đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện;
- Yêu nghề, có ý thức cộng đồng, tinh thần trách nhiệm tốt, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ Hợp lý, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc;
- Tinh thần hợp tác nhóm tốt, chủ động thực hiện công việc được giao và có tác phong công nghiệp;
- Chấp hành nghiêm quy định về bảo hộ lao động, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy;
- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Chăm sóc, làm đẹp xe ô tô;
- Quản lý vật tư, phụ tùng ô tô;
- Sản xuất phụ tùng và lắp ráp trong lĩnh vực ô tô;
- Kinh doanh trong lĩnh vực ô tô và phụ tùng ô tô;
- Sửa chữa động cơ (máy) ô tô;
- Sửa chữa gầm ô tô;
- Sửa chữa điện và điều hòa không khí ô tô;
- Tư vấn dịch vụ trong lĩnh vực ô tô.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1.690/59 (giờ/tín chỉ)
- Số lượng môn học, mô đun: 27
- Khối lượng học tập các môn học chung: 255/11 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1.435/48 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: 508 (giờ); thực hành, thực tập: 1.182 (giờ)

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Làm việc nhóm
2	NLCB-02	Hoàn thành các nhiệm vụ hành chính hàng ngày
3	NLCB-03	Giao tiếp với khách hàng
4	NLCB-04	Duy trì kiến thức ngành nghề
5	NLCB-05	Lập kế hoạch, thực hiện công việc
6	NLCB-06	Phát triển năng lực kinh doanh

7	NLCB-07	Soạn thảo, thực hiện hợp đồng
8	NLCB-08	Có chứng chỉ về an toàn lao động, 5S
9	NLCB-09	Tiếp nhận và xử lý yêu cầu của khách hàng.
10	NLCB-10	Nhận nhiệm vụ và lập kế hoạch chăm sóc, làm đẹp xe ô tô
11	NLCB-11	Tiến hành sơ cứu nạn nhân bị tai nạn lao động
12	NLCB-12	Nhận nhiệm vụ và lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa ô tô
13	NLCB-13	Thực hiện vệ sinh công nghiệp.
14	NLCB-14	Thực hiện các biện pháp phòng tránh tai nạn lao động
15	NLCB-15	Thực hiện các biện pháp an toàn sử dụng điện và sơ cứu người bị điện giật.
16	NLCB-16	Thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ.
17	NLCB-17	Chuẩn bị các dụng cụ, vật liệu và các thiết bị cần thiết.
18	NLCB-18	Thực hiện công tác bảo hộ lao động cá nhân.
19	NLCB-19	Tìm hiểu các chế độ, chính sách lao động và nội qui làm việc tại nơi công tác
20	NLCB-20	Nhận biết các loại phiếu xuất kho.
21	NLCB-21	Tìm hiểu các chế độ, chính sách lao động và nội qui làm việc tại nơi công tác
22	NLCB-22	Phân tích thị trường ô tô
23	NLCB-23	Cập nhật thông tin, giá cả thị trường
24	NLCB-24	Đọc, hướng dẫn sử dụng tài liệu chuyên ngành
25	NLCB-25	Đọc, hiểu các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành thông thường
26	NLCB-26	Cập nhật thông tin, giá cả thị trường
27	NLCB-27	Cập nhật thông tin về công nghệ mới
28	NLCB-28	Cập nhật tra cứu thông tin phương tiện
29	NLCB-29	Sắp xếp công việc và quản lý thời gian hiệu quả
30	NLCB-30	Phát triển mối quan hệ với đối tác và khách hàng
31	NLCB-31	Khả năng làm việc dưới áp lực cao
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
1	NLCL-01	Nhận dạng các loại ô tô
2	NLCL-02	Nhận dạng được các bộ phận của ô tô
3	NLCL-03	Phân loại được vật tư, phụ tùng
4	NLCL-04	5S và an toàn lao động tại nhà máy sản xuất, cơ sở kinh doanh
5	NLCL-05	Khai thác, sử dụng phần mềm quản lý kho, vật tư và phụ tùng ô tô
6	NLCL-06	Phân loại vật tư, linh kiện
7	NLCL-07	Sử dụng biên bản giao, nhận

8	NLCL-08	Sử dụng thiết bị, máy móc, rô bốt trong dây chuyền lắp ráp
9	NLCL-09	Kiểm tra các lỗi kỹ thuật
10	NLCL-10	Sửa chữa các lỗi kỹ thuật
11	NLCL-11	Cập nhật thông tin về công nghệ mới
12	NLCL-12	Vận hành xe ô tô
13	NLCL-13	Tháo - lắp động cơ.
14	NLCL-14	Bảo dưỡng kỹ thuật cơ cấu phân phối khí.
15	NLCL-15	Bảo dưỡng kỹ thuật hệ thống làm mát.
16	NLCL-16	Bảo dưỡng kỹ thuật hệ thống bôi trơn.
17	NLCL-17	Bảo dưỡng kỹ thuật hệ thống nhiên liệu động cơ xăng.
18	NLCL-18	Bảo dưỡng kỹ thuật hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel
19	NLCL-19	Bảo dưỡng kỹ thuật cụm thân máy, nắp máy, các te.
20	NLCL-20	Bảo dưỡng kỹ thuật cụm thanh truyền, piston và trục khuỷu.
21	NLCL-21	Bảo dưỡng định kỳ động cơ
22	NLCL-22	Điều chỉnh bơm cao áp và vòi phun.
23	NLCL-23	Kiểm tra công suất động cơ và áp suất nén trong xy lanh
24	NLCL-24	Kiểm tra khí xả động cơ.
25	NLCL-25	Sửa chữa cơ cấu phân phối khí
26	NLCL-26	Sửa chữa hệ thống làm mát.
27	NLCL-27	Sửa chữa hệ thống bôi trơn.
28	NLCL-28	Sửa chữa bơm cao áp điều khiển điện tử.
29	NLCL-29	Sửa chữa cụm thân máy, nắp máy và các te.
30	NLCL-30	Sửa chữa cụm piston - thanh truyền.
31	NLCL-31	Sửa chữa cụm trục khuỷu - bánh đà.
32	NLCL-32	Sửa chữa bộ chế hòa khí điều khiển điện tử.
33	NLCL-33	Sửa chữa bơm cao áp tập trung (P.E)
34	NLCL-34	Sửa chữa bơm cao áp phân phối (V.E)
35	NLCL-35	Sửa chữa bộ tăng áp động cơ.
36	NLCL-36	Sửa chữa vòi phun cao áp động cơ Diesel.
37	NLCL-37	Sửa chữa bơm cao áp và vòi phun kết hợp.
38	NLCL-38	Sửa chữa bơm thấp áp động cơ Diesel.
39	NLCL-39	Sửa chữa bơm xăng kiểu màng, điều khiển cơ khí
40	NLCL-40	Sửa chữa cụm bầu lọc, ống dẫn và thùng nhiên liệu.
41	NLCL-41	Chạy rà động cơ.
42	NLCL-42	Chẩn đoán kỹ thuật cơ cấu phân phối khí.

43	NLCL-43	Chẩn đoán kỹ thuật hệ thống bôi trơn.
44	NLCL-44	Chẩn đoán kỹ thuật hệ thống làm mát.
45	NLCL-45	Chẩn đoán chung tình trạng kỹ thuật của ô tô.
46	NLCL-46	Chẩn đoán kỹ thuật động cơ.
47	NLCL-47	Chẩn đoán kỹ thuật hệ thống nhiên liệu.
48	NLCL-48	Sửa chữa bộ trợ lực phanh.
49	NLCL-49	Bảo dưỡng kỹ thuật biên mô thủy lực.
50	NLCL-50	Sửa chữa khung, vỏ xe ô tô
51	NLCL-51	Chẩn đoán kỹ thuật hệ thống phanh
52	NLCL-52	Chẩn đoán kỹ thuật hệ thống lái
53	NLCL-53	Chẩn đoán kỹ thuật hệ thống truyền lực.
54	NLCL-54	Chẩn đoán kỹ thuật hệ thống treo và khung xe.
55	NLCL-55	Bảo dưỡng kỹ thuật ắc quy.
56	NLCL-56	Bảo dưỡng kỹ thuật hệ thống khởi động điện.
57	NLCL-57	Bảo dưỡng kỹ thuật hệ thống đánh lửa.
58	NLCL-58	Bảo dưỡng kỹ thuật máy phát điện xoay chiều.
59	NLCL-59	Bảo dưỡng kỹ thuật hệ thống chiếu sáng và tín hiệu.
60	NLCL-60	Bảo dưỡng hệ thống điều hòa không khí ô tô
61	NLCL-61	Bảo dưỡng kỹ thuật các thiết bị tiện nghi và thiết bị phụ.
62	NLCL-62	Sửa chữa ắc quy.
63	NLCL-63	Sửa chữa máy khởi động.
64	NLCL-64	Sửa chữa hệ thống đánh lửa.
65	NLCL-65	Sửa chữa máy phát điện xoay chiều.
66	NLCL-66	Sửa chữa hệ thống chiếu sáng và tín hiệu
67	NLCL-67	Sửa chữa các thiết bị tiện nghi và các thiết bị phụ
68	NLCL-68	Sửa chữa các thiết bị làm sạch kính chắn gió
69	NLCL-69	Sửa chữa hệ thống điều hòa không khí ô tô
III	Năng lực nâng cao	
71	NLCL-71	Chẩn đoán kỹ thuật hệ thống khởi động và đánh lửa.
72	NLCL-72	Chẩn đoán kỹ thuật các trang thiết bị điện ô tô.
73	NLCL-73	Vận hành các quy trình dịch vụ trong lĩnh vực ô tô.
74	NLCL-74	Vận hành các quy trình sửa chữa ô tô
75	NLCL-75	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô

6. Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số Tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/Thực tập/thí nghiệm/thảo luận	Thi
I	Các môn học chung	11	255	109	131	15
MH 01	Tiếng Anh	3	90	42	42	6
MH 02	Tin học	2	45	15	29	1
MH 03	Giáo dục Chính trị	2	30	15	13	2
MH 04	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 05	Giáo dục quốc phòng và An ninh	2	45	23	19	3
MH 06	Giáo dục thể chất	1	30	5	23	2
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	48	1.435	399	939	97
II.1	Môn học/ mô đun cơ sở	11	270	144	115	11
MH 07	Vẽ kỹ thuật	1	30	15	14	1
MH 08	Cơ kỹ thuật	1	30	20	9	1
MH 09	Kỹ thuật điện - điện tử	2	45	30	14	1
MH 10	Vật liệu cơ khí	1	30	20	9	1
MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	1	30	20	9	1
MH 12	An toàn lao động	2	30	24	5	1
MĐ 13	Thực hành cơ khí	3	75	15	55	5
II.2	Môn học/ mô đun chuyên môn	37	1.165	255	824	86
MĐ 14	Điện - điện tử cơ bản	2	45	15	25	5
MĐ 15	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	3	60	45	14	1
MĐ 16	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ đốt trong	6	150	45	100	5
MĐ 17	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ Xăng	2	45	15	25	5
MĐ 18	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel	2	45	15	25	5

MĐ 19	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực	2	60	15	40	5
MĐ 20	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện động cơ	2	45	15	25	5
MĐ 21	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	2	60	15	40	5
MĐ 22	Bảo dưỡng và sửa chữa điện thân xe và thiết bị tiện nghi	2	60	15	40	5
MĐ 23	Bảo dưỡng sửa chữa hệ thống treo, lái , di chuyển	3	75	30	40	5
MĐ 24	Bảo dưỡng sửa chữa khung, thân, vỏ, sơn xe ô tô	2	60	15	40	5
MĐ 25	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	60	15	40	5
MĐ 26	Thực Tập cơ sở	2	120	0	110	10
MĐ 27	Thực tập Tốt nghiệp	5	280	0	260	20
Tổng cộng		59	1.690	508	1.070	112

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Việc giảng dạy các môn học chung bắt buộc

- Giáo dục chính trị thực hiện theo Thông tư số 24/2018/QĐ-BLĐTĐBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Pháp luật thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Tin học thực hiện theo Thông tư số 11/2018/QĐ-BLĐTĐBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Giáo dục thể chất thực hiện theo Thông tư số 12/2018/QĐ-BLĐTĐBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Ngoại ngữ thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTĐBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội ban hành Chương trình môn

học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐT BXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Trong trường hợp Bộ LĐTBXH ban hành các Thông tư thay thế thì áp dụng theo Thông tư hiện hành.

Giáo dục quốc phòng và an ninh, sinh viên được học tại Trường quân sự Quân đoàn 4 theo quy định của Bộ quốc phòng.

7.2. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo niên chế

- Đào tạo theo niên chế là phương thức tổ chức đào tạo theo năm học với lớp học tương đối cố định trong toàn khóa học, cho phép học sinh cùng lớp thực hiện theo một kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu chung, thống nhất

- Thời gian đào tạo trình độ trung cấp theo niên chế trong hai năm học

- Thời gian giảng dạy, học tập được thực hiện trong thời gian từ 6 giờ đến 22 giờ hàng ngày, bao gồm cả ngày thứ 7 và chủ nhật, trừ các nội dung học tập đặc thù phải giảng dạy ngoài thời gian này mới đủ điều kiện thực hiện

- Điểm của môn học, mô-đun theo thang điểm 10

- Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút

- Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, thực tập tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

- Học phí thu theo từng học kỳ

- Học sinh phải tham gia kỳ thi tốt nghiệp để xét tốt nghiệp

7.3. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo phương pháp tích lũy mô-đun hoặc tích lũy tín chỉ

- Đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng nội dung học tập được thiết kế thành những mô-đun, môn học, người học được chủ động lựa chọn mô-đun, môn học theo quy định của nhà trường để tích lũy cho tới khi hoàn thành khối lượng mô-đun, tín chỉ quy định trong chương trình.

- Thời gian đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ là thời gian tích lũy đủ số lượng mô-đun, tín chỉ quy định cho từng chương trình

- Lớp học được tổ chức theo từng môn học, mô-đun dựa vào đăng ký học tập của người học ở từng học kỳ. Hiệu trưởng quy định số lượng người học tối thiểu cho mỗi lớp học lý thuyết, thực hành đảm bảo điều kiện tổ chức đào tạo phù hợp với tình hình thực tiễn nhưng bảo đảm lớp học tích hợp, thực hành không quá 18 người học đối với nghề bình thường; không quá 10 người học đối với ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

- Tùy điều kiện thực tế, một năm có thể tổ chức từ 2 - 3 học kỳ, gồm học kỳ chính và

học kỳ phụ. Học kỳ chính là học kỳ bắt buộc phải học, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi. Học kỳ phụ không bắt buộc phải học, trong học kỳ phụ người học học các môn học, mô-đun chậm tiến độ ở học kỳ chính, hoặc học lại các môn học, mô-đun chưa đạt, hoặc để cải thiện điểm số, hoặc học vượt các môn học, mô-đun có ở các học kỳ sau nếu trong học kỳ phụ có lớp. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 6 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi.

- Trước mỗi học kỳ, người học phải đăng ký học tập theo quy chế đào tạo của trường
- Điểm của môn học, mô-đun theo thang điểm 10 sau khi làm tròn đến một chữ số thập phân được chuyển thành điểm chữ
- Thời gian giảng dạy, học tập được thực hiện trong thời gian từ 6 giờ đến 22 giờ hàng ngày, bao gồm cả ngày thứ 7 và chủ nhật, trừ các nội dung học tập đặc thù phải giảng dạy ngoài thời gian này mới đủ điều kiện thực hiện
- Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút
- Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, thực tập tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.
- Học phí thu theo môn học, mô-đun
- Học sinh không phải tham gia kỳ thi tốt nghiệp, sau khi tích lũy đủ môn học, mô-đun theo quy định của chương trình thì nhà trường xét tốt nghiệp

7.4. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo với những nội dung có thể thực hiện bằng hình thức trực tuyến

- Các phần lý thuyết và những nội dung có thể thực hiện trực tuyến được triển khai thông qua các nền tảng học trực tuyến.
- Sử dụng các công cụ giảng dạy trực tuyến như video bài giảng, tài liệu điện tử, diễn đàn thảo luận và bài tập trực tuyến.
- Kiểm tra trực tuyến và bài tập nộp trực tuyến, sử dụng các công cụ kiểm tra và đánh giá trực tuyến để đảm bảo tính minh bạch và công bằng.
- Thi kết thúc môn học, mô-đun bằng hình thức trực tuyến được thực hiện theo quy định của nhà trường (Quy chế số 432/QC-CĐCS ngày 6/9/2021 của Hiệu trưởng về Quy định đào tạo trực tuyến). Diễn biến của buổi thi trực tuyến phải được ghi hình, ghi âm và xuất in kết quả bài thi để lưu trữ theo quy định.

7.5. Xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để người học có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại khóa tại trường và tại một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo, thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	Thời gian
-----	----------	-----------

1	Sinh hoạt, học tập chính trị đầu khóa, phổ biến các quy chế đào tạo, nội quy của trường và lớp học	Tuần đầu của khoá học
2	Thể dục, thể thao	- Từ 5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày - Thông qua các hoạt động, các phong trào của Đoàn trường triển khai
3	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	- Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần) - Thông qua các hoạt động, các phong trào của Đoàn trường triển khai
4	Hoạt động thư viện: Đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
5	Vui chơi, giải trí và các hoạt động khác	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, sinh hoạt ngoài giờ lên lớp
6	Trải nghiệm thực tế về các vị trí làm việc, môi trường đi làm tại công ty, doanh nghiệp gắn với ngành nghề của HSSV	Học kỳ 1 của thời gian đào tạo
7	Hoạt động về nguồn, ngoại khóa	Mỗi khoá 1 lần
8	Hoạt động tuyên truyền, giáo dục (giới tính, sức khoẻ sinh sản, luật an toàn giao thông, bạo lực học đường, phòng chống mại dâm, ma túy....)	Phòng CTSV chịu trách nhiệm phối hợp với đoàn thanh niên và ban nữ công tổ chức lồng ghép trong chào cờ hàng tháng
9	Học tập kỹ năng: - Văn hoá học đường - Kỹ năng học tập hiệu quả - Kỹ năng thuyết trình - Kỹ năng làm việc nhóm - Kỹ năng số - Kỹ năng tìm kiếm việc làm	Giao cho Phòng CTSV chủ trì, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện. Nội dung kỹ năng văn hoá học đường, Kỹ năng học tập hiệu quả nhà trường chịu trách nhiệm tổ chức miễn phí. Các kỹ năng còn lại sẽ thu phí lấy thu bù chi.
10	Lao động	Giao Phòng CTSV chủ trì phối hợp cùng phòng TCHC phân công định kỳ hàng tháng

7.6. Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, môn đụn

Thực hiện theo hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo và quy chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp hiện hành của nhà trường.

7.7. Thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Thực hiện theo hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo và quy chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp hiện hành của nhà trường.

7.8. Các hướng dẫn khác:

Trong quá trình tổ chức đào tạo nếu có phát sinh các nội dung liên quan đến thực hiện chương trình đào tạo, nhà trường sẽ ban hành các hướng dẫn kịp thời để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo hiệu quả, linh động và đạt chất lượng cao nhất.

Bình Phước, ngày 29 tháng 4 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

ThS. Lê Văn Kịch

PHÒNG ĐÀO TẠO

Lê Song Hà

KHOA KỸ THUẬT CN

Nguyễn Hữu Ninh